

NGŨ NGHĨA NGŨ DỤNG CỦA CẶP LIÊN TỪ LÔGIC “NẾU ... THÌ”

PHẠM VĂN TÌNH

1. Cặp liên từ “nếu ... thì ...” là một cặp liên từ lôgic khá tiêu biểu và đã được các nhà Việt ngữ học [Hoàng Phê 1989; Nguyễn Đức Dân 1996, 1998; Nguyễn Anh Quế 1987; Đỗ Thanh 1998; ...] ít nhiều đề cập đến trong các công trình nghiên cứu của mình. Thực ra, cặp liên từ này phổ quát cho mọi ngôn ngữ, trong tư duy nó tương đương với cặp liên từ lôgic chỉ phép kéo theo ($P \rightarrow Q$). Tương đương với phép kéo theo này trong tiếng Việt cũng có hàng loạt các biến thể: Nếu P thì Q; nếu không P thì cũng Q, nếu như P thì Q, giá P thì Q, hễ P thì Q, giá (mà) A thì Q, Q muốn là P, Q với điều kiện là P, v.v...

2. Mục tiêu của chúng tôi trong bài viết này là chỉ khai thác giá trị lập luận của cặp liên từ này theo hướng.

2.1. J.R. Searle đã từng cho rằng: “Trong ngôn ngữ, không phải tất cả những gì người ta muốn diễn đạt đều có thể nói ra được cả” [Dẫn theo 1; 103]. Xét theo quan điểm này, giá trị lập luận nhiều khi không hiện diện trên bề mặt phát ngôn (hiển ngôn). Rất nhiều những thông điệp mà người nói cần gửi gắm lại bắt buộc phải sử dụng hàm ngôn, vì nhiều khi chỉ hàm ngôn mới chuyển tải được một cách đa dạng và sâu sắc thông điệp cần chuyển tải. Ở đây bản thân mới phát ngôn làm nên một cấu trúc lập luận và sự xuất hiện của mỗi tác tử hay kết tử sẽ làm đổi hướng lập luận. Ngược lại, nếu ta thay đổi một nội dung khác mà tác tử (hoặc kết tử) đó hạn định thì ta cũng được một thông báo với giá trị lập luận khác hẳn. So sánh 2 ví dụ:

(1) Nếu nó đồ thì nói làm gì.

(2) Nếu nó không đồ thì nói làm gì.

Ta thấy phát ngôn (2) có thêm từ phủ định không. Bản thân sự xuất hiện đó làm thay đổi định hướng của người nói. Ở phát ngôn (1) người nói dựa trên tiền đề “nó không đồ” (vì nó không đồ nên mới có điều cần quan tâm, còn nếu nó đồ thì coi như thỏa mãn với thực hiện mong muốn). Còn ở phát ngôn thứ hai thì người nói lại dựa trên tiền đề “nó đồ” (giả sử nó không đồ thì thật đúng như trù định của người nói). Bây giờ hóa ra nó lại đồ thành ra sự việc đó đặt thực tế vào những tình huống mới khó xử.

2.2. Chúng ta biết rằng trong cặp liên từ “nếu P thì Q” ta có một cấu trúc lập luận 2 kết tử, 2 vị trí. Mỗi kết tử hạn định một vị trí và cả hai nối kết làm nên một lập luận. Dĩ nhiên, lập luận này chỉ có giá trị đúng khi nó đảm bảo đúng lôgic của phép kéo

theo. Trong logic, một giá trị đúng được đảm bảo bởi giá trị của các chân lý đã được minh xác - thường được coi là các tiền đề. Chẳng hạn : "nếu một hình bình hành có 4 góc bằng nhau thì đó là hình vuông". Tiền đề cho trước là "hình bình hành có 4 cạnh, 4 góc, tổng các góc trong 360^0 ". Việc xác định hình vuông dựa trên nền tảng chân lý này. Đó là những chân lý khách quan, nó đúng ở mọi nơi, mọi lúc. Tuy nhiên, cơ sở lập luận của ngôn ngữ nhiều khi lại dựa trên những suy ý chủ quan, hoàn toàn được xây dựng trên những cơ sở mà Nguyễn Đức Dân gọi là những "cơ sở logic đặc thù" [3; 189]. O. Ducrod gọi những cơ sở để hình thành những luận cứ ngữ dụng là *topos* (thuật ngữ này Đỗ Hữu Châu dịch là "lý thường" [2; 272], Nguyễn Đức Dân dịch là "lý lẽ chung" [4; 193-194], chúng tôi tạm thời dùng nguyên dạng là *topos*). Trong ví dụ :

(3) *Nếu đội Việt Nam mà thắng được đội Nga thì tôi đi đầu xuống đất.*

Đích của lập luận ở đây là người nói cho rằng "Đội Việt Nam không thể thắng được đội Nga". Người nói đã được dựa trên các cơ sở sau : 1. Trong thực tế không ai đi đầu xuống đất được; 2. Chuyện một đội quá yếu (đội Việt Nam) đá với đội quá mạnh (đội Nga) là một cuộc đấu chênh lệch, không cân sức cân tài. Người nói đủ tự tin để khẳng định một dự đoán của mình là đội Việt Nam chắc chắn 100% là thua.

Cách thể hiện của các *topos* hết sức đa dạng và sinh động, có khi ở một ngữ cảnh hẹp. Chẳng hạn như phát ngôn trên được hình thành trong bối cảnh trước Dunhill Cup 98, khi tình thế 2 đội bóng (dựa trên các thông tin trước đó) ở mức cho phép người nói đưa ra lập luận trên.

Nếu nói ở thời điểm sau Dunhill Cup thì người nói bắt buộc phải thay đổi thang độ đánh giá *topos* này. Thực tế đã diễn ra trái ngược với dự đoán của người nói (đội Việt Nam thắng). Theo như phát ngôn thì anh ta phải đi đầu xuống đất. Nhưng chẳng có ai ngó ngàng chờ đợi hành động đó của anh ta và anh ta cũng biết thừa rằng anh ta không bao giờ làm việc đó. Cái điều phi lý đó chỉ có giá trị phục vụ cho lập luận hiện thời. Cái đích của người ta là đưa ra một kết luận chắc chắn tới mức như "đinh đóng cột" để thuyết phục người khác. Sở dĩ nó được người nói và cả người nghe chấp nhận vì lý lẽ dựa trên một *topos* mơ hồ về thang độ. Chuẩn giá trị về tương quan lực lượng giữa đội Việt Nam và đội Nga trước Dunhill Cup chưa rõ ràng.

2.3. *Tiền giả định trong việc hình thành các topos*

Điều dễ nhận thấy là trong các lập luận theo hướng ngữ dụng, đa số người phát ngôn đóng vai trò một chủ thể lập luận. Bởi lẽ các lập luận ngữ dụng thường xuất phát từ dụng ý chủ quan, theo một *topos* do người nói tự chọn và nhiều khi tự đưa ra các thang độ đánh giá. Tuy nhiên, dù chủ quan đến đâu thì người nói cũng phải dựa trên một cái lý chung, ít nhất là được 2 người chấp nhận. Điều này dựa vào một thông tin nền, được xây dựng tùy từng hoàn cảnh.

Giả sử như trong một cuộc thi hoa hậu, Ban giám khảo đặt câu hỏi sau : "Nếu đạt vương miện hoa hậu thì trước hết chị làm gì với số tiền thưởng 20 triệu đồng?". Có thể mỗi cô gái có một cách trả lời :

(4a) *Đầu tiên tôi sẽ mua tặng bố tôi một chiếc xe lăn.*

(4b) *Trước hết tôi sẽ dành 10% số tiền đó ủng hộ đồng bào miền Trung bị bão lụt.*

(4c) *Tôi chưa nghĩ tới số tiền đó vội. Việc đầu tiên là tôi ôm hôn cảm ơn mẹ tôi và nói với mẹ rằng : phần thưởng này chính là của mẹ.*

Khán giả có thể sẽ vỗ tay hoan hô cả 3 câu trả lời trên. Dựa trên những thông tin nền (tiểu sử, hoàn cảnh, nghề nghiệp ... của các thí sinh) mà người ta có thể chấp nhận hay không về thứ hai của lập luận (vì về thứ nhất "nếu tôi trở thành hoa hậu ..." đã được giả định sẵn). Ở câu thứ nhất, người nghe xúc động bởi tấm lòng của cô gái trước người cha bị tật nguyền. Đó là lý do mà cô dành sự quan tâm đầu tiên của mình cho bố chứ không theo lẽ thông thường dễ chấp nhận là dành cho mẹ - người thường gần gũi với con gái. Câu trả lời thứ hai bộc lộ một giải pháp tình thế. Cô gái đề cao tấm lòng từ thiện trước những đồng bào đang phải chịu hoạn nạn, thiên tai quá nặng nề. Đích của cô gái hướng tới là đề cao trách nhiệm xã hội của mỗi công dân. Còn câu trả lời thứ ba khá đặc biệt. Có vẻ cô gái từ chối trả lời thẳng câu hỏi của Ban giám khảo. Cô đưa người nghe vào một hiện thực mới. Theo cô, hành động đầu tiên không phải là việc nghĩ đến tiền thưởng, cái quan trọng là phải ứng xử ra sao để đúng với hoàn cảnh và tâm trạng của mình nhất. Việc cô đến ôm hôn và cảm ơn mẹ thật đáng cảm động, và điều còn cảm động hơn và đáng khâm phục hơn là cô đã coi vinh dự của mình chính là công lao và thành quả của mẹ. Thực chất thì cô đã đáp ứng đúng vấn đề mà Ban giám khảo đặt ra : Sử dụng số tiền thưởng của mình cho mẹ đã là một quyết định của cô rồi. Nếu cô chưa trao, mẹ cô chưa có vai trò gì trong việc sở hữu số tiền đó.

Tất cả các phương án trên đều được hình thành dựa trên một topos tình thái : Số tiền 20 triệu là một giá trị lớn về vật chất. Vì vậy việc sử dụng đúng mục đích và có ý nghĩa nhất số tiền đó bộc lộ phẩm chất tư cách và năng lực ứng xử của các cô gái. Nhiều cách trả lời khác nhau chứng tỏ chuẩn giá trị của các lập luận là khác nhau. Trong các tình huống như vậy, yếu tố tình thái giữ vai trò quan trọng. Nó có thể đưa người nghe vào các hướng suy luận khác nhau. Người nghe phải tự tìm ra luận cứ (tiền đề) của người nói bằng cách suy luận thông qua tiền giả định và giá trị của các luận cứ này phụ thuộc vào giá trị của các tiền giả định. Nếu ở câu (4a) bố cô gái là một người hoàn toàn bình thường thì tiền giả định "bố cô ta là một người tàn tật, không đi lại được, có thể do bị thương trong chiến tranh" là sai. Luận cứ bị bác bỏ và do vậy lập luận cũng hoàn toàn không có giá trị. Tức là lúc này nó cũng tuân thủ các nguyên tắc

của lập luận logic : giá trị của nó căn cứ vào sự đúng sai của các tiền đề. Trong lập luận ngôn ngữ, luận cứ có khi hoàn toàn ngầm ẩn và có tính chất đặc thù. Ta xem xét một ví dụ khác :

(5) *Nếu tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta.* (Lời bài hát cùng tên của Thanh Tùng).

Từ câu nói này trước đây khán giả VTV3 đã thắc mắc và hỏi Thanh Tùng là: "anh còn trẻ thế, sao đã vội nghĩ đến cái chết, và sao anh lại chọn cây đàn ghi ta để sang thế giới bên kia?". Đặt một câu hỏi như vậy, rõ ràng người nghe đã hoàn toàn máy móc dựa trên ngữ nghĩa của hiển ngôn mà bỏ quá giá trị đích thực của câu nói. Trước hết, đây là lời thơ của L.Garcia mà Thanh Tùng mượn phổ nhạc. Thứ hai là L.Garcia chỉ sử dụng giả định "nếu tôi chết" như một tiền đề của lập luận. Đây không phải là lời trăng trối của ông. Nhưng ông sử dụng chi tiết này là dựa trên một topos nhiều người thừa nhận : Hành vi mà ai đó cần làm trước khi chết là một hành vi hết sức trọng đại, thiêng liêng. Nó bộc lộ một nguyện vọng, một mục đích, có khi là ý tưởng, nguyện vọng lớn lao nhất của một đời người. Và luận đề thứ hai "Hãy chôn tôi với cây đàn ghi ta" đã tạo nên một lập luận có sức chuyển tải đặc biệt. Nó ngầm ẩn một thông điệp hết sức sâu sắc của ông và nói lên khát vọng, tâm huyết của ông đối với cây đàn, với âm nhạc ... Những lời nói như vậy làm người nghe bắt buộc phải kiểm chứng các giá trị thông tin tiền giả định được suy ra từ luận cứ. Đó là rất nhiều các yếu tố không hiện diện trên văn bản. Người ta phải tự tìm hiểu các thông tin nền. Đó là những thông tin liên quan tới người nói và hoàn cảnh phát ngôn.

2.4. Vị trí và cấu trúc hình thành luận cứ

Ta có ví dụ :

(6) *Nếu là người tôi sẽ chết cho quê hương.* (Lời bài hát : Tự nguyện).

Cơ sở lập luận ở đây dựa trên một topos về hành vi. Một hành động của ai đó đối với quê hương đất nước bộc lộ phẩm chất của họ. Theo thang độ đánh giá nếu đóng góp đó thực sự có ích, có ý nghĩa thì nó mang giá trị tích cực, tức là mang phẩm chất dương. Trong lập luận trên, người nói có dụng ý : "Chết để bảo tồn, gìn giữ cho quê hương đất nước là một đóng góp, một việc làm có nghĩa khí, rất đáng ca ngợi". Nhưng nếu chỉ có một phát ngôn như vậy thì hiệu lực lập luận sẽ không cao. Trong trường hợp này, lập luận có một tiền đề kép, nghĩa là luận cứ không hoàn toàn nằm trong kết từ hạn định bởi phát ngôn nội tại. Ta trở lại toàn văn lời bài hát trên :

(7) *Nếu là chim, tôi sẽ là loại bồ câu trắng.*

Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương.

Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm.

Nếu là người, tôi sẽ chết cho quê hương.

Tất cả 4 phát ngôn trên có dạng lập cấu trúc và bản thân mỗi phát ngôn làm nên một lập luận độc lập. Tuy nhiên, ngoài dạng lập cấu trúc, các phát ngôn này còn liên kết với nhau bởi một topos : "trong mỗi giống loài mình tồn tại, cần bộc lộ một cách xứng đáng nhất giá trị của mỗi cá thể ". Đây là một topos mang tính triết lí và có giá trị thẩm mỹ - Bản thân mỗi phát ngôn bổ sung cho nhau và tạo cơ sở vững chắc hơn cho định hướng lập luận . Việc người nói chọn "hoa hướng dương" là tiêu biểu cho các loài hoa, chọn "vầng mây ấm" là tiêu biểu cho các loài mây hoàn toàn mang sắc thái chủ quan. Về hoa người ta có thể chọn hoa hồng hoa tuy líp ... về mây, người có thể chọn mây trắng, mây hồng, hay mây Hàng trong "Lòng còn gửi ánh mây Hàng" (Truyện Kiều). Tác giả tự xây dựng các hình tượng đó để phục vụ cho ý đồ thông báo. Và nếu mới phát ngôn như vậy tồn tại độc lập chưa lột tả hết quan điểm của người nói. Phát ngôn cuối cùng chính là phát ngôn chốt, có giá trị đóng lại thông điệp, và sở dĩ nó dẫn người đọc tới đích chính của thông điệp là còn nhờ một loạt phát ngôn trên nó. Nhờ cấu trúc như vậy mà tính liên kết của văn bản chặt chẽ hơn đồng thời hiệu lực lập luận cũng cao hơn. Trong một số văn bản nghệ thuật, nhất là thơ ta thường hay gặp :

Nếu được làm hạt giống để mùa sau

Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa ... (Chế Lan Viên)

Đây chỉ là một lập luận hai kết tử, hai vị trí, nhưng vị trí nào cũng có thể mở rộng, tức là mở rộng trường tác động của kết tử tùy ý :

- Còn nếu là mèo?

- Thì đừng là mèo cảnh, đừng là mèo hoang và cũng đừng là mèo tam thể.

(Báo tuổi trẻ)

thì kết tử thì có một trường tác động gồm 3 thành phần đồng vị của kết đề. Mỗi một thành phần có giá trị mở rộng để tăng giá trị của lập luận. Các bối cảnh tình huống cho phép người nói mở rộng phạm vi tác động mà kết tử hạn định, có khi chỉ lặp lại một hiện tượng nhưng giá trị thông báo nhờ đó mà có hiệu quả khác hẳn :

Bao giờ cây chuối có cành

Cây sung có nụ, cây hành có hoa

Bao giờ chạch đẻ ngón đa

Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình

(Ca dao)

Bài ca dao trên vắng kết tử nếu nhưng người đọc vẫn tìm ra 5 cấu trúc lập nằm trong trường tác động của nếu (được thay bằng bao giờ) : cây chuối có cành, cây sung có nụ, cây hành có hoa, chạch đẻ ngón đa, sáo đẻ dưới nước. Cái logic không bao giờ

tồn tại trên thực tế được diễn ra liên tục và được chốt bằng một kết đề "thì ta lấy mình". Hiệu quả lập luận của bài ca dao đem lại là rất cao. Nó bộc lộ một lời nguyên, một sự từ chối quyết liệt, một thái độ rõ ràng không lay chuyển nổi của người nói.

3. Cách thể hiện lập luận theo hướng ngữ dụng có rất nhiều phương tiện thể hiện. Nó có thể được biểu thị bằng các tác sử và ngoài ra (theo chúng tôi là phần lớn) nhờ các kết tử trong cấu trúc lập luận. Cặp liên từ "Nếu thì .." được sử dụng khá phổ biến trong nói năng và nếu nghiên cứu kỹ hơn, chúng ta có thể chỉ ra cơ chế thể hiện của nó xét ở góc độ ngữ dụng học. Hiệu lực của cách phát ngôn chủ yếu được suy ra một cách ngầm ẩn. Như vậy, hàm ngôn chính là giá trị cơ bản của các lập luận có kết tử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Phê. *Lô gíc ngôn ngữ học*, KHXH, Hà Nội, 1989.
2. Đỗ Hữu Châu. *Đại cương ngôn ngữ học*, t.2, giáo dục, Hà Nội, 1993.
3. Nguyễn Đức Dân. *Lô gíc và tiếng Việt*, Giáo dục, Hà Nội, 1996.
4. Nguyễn Đức Dân. *Ngữ dụng học*, t.I, Giáo dục, Hà Nội, 1998.
5. Nguyễn Anh Quốc. *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*, KHXH, Hà Nội, 1987.
6. Đỗ Thanh. *Từ điển từ công cụ tiếng Việt*, Giáo dục, Hà Nội, 1998.